

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-PT

Ngày 04/9/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn;

Bà Nông Biên Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/TLPT-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2024/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lục Văn Đ**; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1964 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng;.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Viên chức; Trình độ học vấn: 10/10; Chức vụ Đoàn thể, Đảng phái: Không có; Con ông Lục Thanh D (Đã chết); con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1938; Vợ: Lương Thị P, sinh năm 1962; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2001; A, chị, em ruột: Bị cáo có 5 chị em, là con cả trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1977 – Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: P, Đ - Tòa H, số C L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội, (Bào chữa theo yêu cầu của bị cáo), có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Luân Chiến C - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lục Minh T2 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H theo Giấy ủy quyền số 551/UBND-UQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện H, Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh V – Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Thang Thị C1, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa và thực hiện ủy quyền cho ông L Thành Lâm theo văn bản ủy quyền số chứng thực 42 ngày 19/4/2024.

3. Ông Luân Thành L1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

4. Ông Dương Minh T3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

5. Bà Trần Thúy Đ1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

6. Ông Đàm Ngọc T4, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số nhà I Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

7. Bà Lương Thị L2, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

8. Ông Lê Đức B, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

9. Ông Mã Ngọc L3, sinh năm 1962; Nơi cư trú: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Lương Thị P; sinh năm 1962; Nơi cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Ông Nông Quốc T5, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1976; Nơi cư trú: xóm B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 40 phút, ngày 17/02/2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân huyện H phối hợp với Công an huyện H làm việc với Lục Văn Đ (sinh ngày 07/6/1964, trú tại: phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; hiện đang công tác tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng huyện H, tỉnh Cao Bằng) về việc yêu cầu Đ giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989 mang tên Luân Văn K, cấp ngày 07/11/2000 và các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thi hành **Bản án Hành chính sơ thẩm số 03A/2019/HC-ST** ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tại buổi làm việc, Đ có mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài liệu liên quan nhưng không đồng ý giao nộp. Ủy ban nhân dân huyện H xác định các tài liệu Đ đang chiếm giữ thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện H nên Tổ công tác Công an huyện H đã tiến hành bắt người phạm tội quá tang đối với Đ về hành vi Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan.

Qua kiểm tra phát hiện và tạm giữ:

- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989, mang tên Luân Văn K, cấp ngày 07/11/2000 (bản gốc);

- Đơn khiếu nại ngày 20/8/2004, người viết Dương Minh T3 (viết tay);

- Biên bản ngày 29/11/2004, về việc ông Luân Văn K không cho bà đồ để ông Dương Minh T3 làm thủ tục tách diện tích chuyển nhượng (bản viết tay, có chữ ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Tờ trình số 01/TT-UB ngày 03/12/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H về việc chuyển quyền sử dụng đất (bản viết tay, có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/CN, gồm 02 tờ, in trên khổ giấy A4 (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện H, Ủy ban nhân dân huyện H);

- Đơn xin đăng ký biến động đất đai ngày 28/01/2005 (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/01/2005 (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Biên bản ngày 26/01/2005, về việc giao đất tại thực địa (có chữ viết, chữ ký Luân Văn K, Dương Minh T3, Triệu Hoàng T7);

- Trích lục bản đồ địa chính (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Biên bản làm việc ngày 26/01/2005, về việc giải quyết việc chuyển nhượng đất đai (có chữ ký, chữ viết Trần Thúy Đ1, Lục Văn Đ, Đinh Thị T8);

- Biên bản làm việc ngày 26/01/2005, về việc giao đất ngoài thực địa tại xóm P (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H);

- Biên bản làm việc ngày 26/01/2005, về việc bà Thang Thị C1 không ký hợp đồng (có chữ viết, chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H).

Ngày 18/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc và chỗ ở của Lục Văn Đ tại phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Qua kiểm tra phát hiện và tạm giữ:

- Giấy chứng nhận QSD đất số AA245675, mang tên Đàm Văn T9;

- Giấy chứng nhận QSD đất số AA245711, mang tên Lương Thị L2;

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên Đàm Văn T9 đề ngày 04/8/1998 (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H);

- Giấy giao nhượng quyền sở hữu nhà cửa đất đai hoa màu trên diện tích M2 sử dụng (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân huyện H);

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 02/3/1997 (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H);

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên Lương Thị L2 đề ngày 01/8/1998 (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H);

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 02/3/1997 (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H);

- Giấy thừa kế đứng tên Lương Văn S đề ngày 02/6/1998 (có chữ ký và đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H).

Quá trình điều tra xác định được: Ông Luân Văn K (sinh năm: 1945; đã chết năm 2010) và bà Thang Thị C1 (sinh ngày 07/10/1955, trú tại: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) kết hôn năm 1981. Ngày 07/11/2000, ông K được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989, với diện tích 6.792m² tại xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng).

Ngày 28/7/2004, ông K viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích là **634m²** nằm trong thửa đất số 77, tờ bản đồ số 64 cho ông Dương Minh T3 (sinh ngày 28/10/1968, trú tại: xóm M, xã Đ, huyện H). Bà C1 không đồng ý việc ông K bán đất nên không giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng để làm thủ tục chuyển nhượng. Thời điểm này, Đ đang công tác tại Tổ địa chính Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện H, được giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K và ông T3.

Ngày 26/01/2005, ông K uỷ quyền cho Bà C1 đến làm việc với Đ, do bà C1 không đồng ý bán đất nên Đ đã lập biên bản với nội dung: “*nếu không nộp lại giấy chứng nhận thì sẽ ra quyết định thu hồi và huỷ bỏ giấy chứng nhận của ông K*” nên bà C1 đã giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đ. Đ yêu cầu bà C1 ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/CN nhưng bà C1 không đồng ý. Đ biết việc chuyển nhượng đất đai không có sự đồng ý của bà C1 nhưng vẫn thực hiện thủ tục trình ông Đỗ Đức D1 (sinh ngày 06/01/1958; đã chết năm 2013), Phó trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ông Lục Văn K1 (sinh ngày 25/12/1956; trú tại: xóm H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ký xác nhận vào hợp đồng chuyển nhượng mà không có chữ ký của bà C1. Ngày 15/02/2005, Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 87/QĐ-UB về việc cho phép chủ sử dụng đất Luân Văn K được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Dương Minh T3.

Ngày 23/3/2005 và ngày 02/8/2005, Đ tham mưu cho Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện H ký giấy mời ông K đến hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng nhưng ông K không đến.

Ngày 31/3/2008, Ủy ban nhân dân huyện H điều chuyển Đ đến công tác tại Bộ phận chuyên trách giải phóng mặt bằng huyện H và ra quyết định yêu cầu Đ bàn giao các văn bản, hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H vào ngày 01/04/2008. Tuy nhiên, Đ không tiến hành bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K và các tài liệu liên quan đến hồ sơ chuyển nhượng.

Năm 2009, bà Nguyễn Thị T6 (sinh ngày 03/01/1976, trú tại: xóm B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đã thẩm định hồ sơ, trình ông Nông Quốc T5 (sinh ngày 02/9/1964, trú tại: phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng), Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, ông Hoàng T10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T3 đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng với ông K. Cùng năm, ông K gửi đơn đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/01/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H ban hành quyết định giao đơn đề nghị của ông K cho Đ giải quyết nhưng ông K không nhận được phản hồi.

Năm 2010, ông K chết, bà C1 và ông Luân Thành L1 (con của ông K, sinh ngày 04/10/1981, trú tại: phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện H tố cáo Đ không trả lại giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Ngày 31/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 76/KLTC-UBND và Thông báo số 77/TB-UBND, có nội dung yêu cầu “*Lục Văn Đ có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ hồ sơ vụ việc của ông Luân Văn K cho Văn phòng Đ3 chi nhánh H giải quyết theo thẩm quyền*”.

Do Đ không thực hiện theo thông báo nên bà C1 đã khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để giải quyết.

Tại Bản án số 03A/2019/HC-ST, ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên xử: “*Buộc UBND huyện H phải chấm dứt Hành vi không thực hiện các biện pháp xử lý theo Thông báo số 77/TB-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng*”.

Từ ngày 28/04/2020 đến ngày 03/11/2020, UBND huyện H, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng đã có 04 (bốn) văn bản và lập 02 (hai) biên bản làm việc và yêu cầu ông Lục Văn Đ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989 (vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01121 QSDĐ/ 09-92) của ông Luân Văn K cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3, tuy nhiên Đ không giao giấy chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền. Do đó dẫn đến việc UBND huyện H không thể thực hiện theo nội dung Quyết định của Bản án hành chính số 03A nói trên.

Từ năm 2021 đến nay, UBND huyện H đã nhiều lần tổ chức làm việc, yêu cầu ông Lục Văn Đ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Luân Thành L1 cho cơ quan chuyên trách, tuy nhiên ông Đ vẫn không chịu bàn giao.

Ngày 03/8/2022, UBND huyện H đã tổ chức buổi gặp mặt đối thoại với bà Thang Thị C1, tại buổi gặp mặt có lập biên bản về việc yêu cầu ông Đ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên Đ đã bỏ về.

Ngày 17/02/2023, UBND huyện H tổ chức buổi làm việc và yêu cầu ông Lục Văn Đ xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 134989 mang tên Luân Văn K và các tài liệu liên quan khác để kiểm tra, tuy nhiên khi UBND huyện H yêu cầu giao nộp các tài liệu trên, Đ đã không nhất trí. Lúc này tổ công tác Công an huyện H đến giải thích pháp luật, đồng thời yêu cầu Đ giao lại các tài liệu trên cho Công an huyện H nhưng Đ đã không giao nộp. Nhận định Đ đang có hành vi chiếm đoạt tài liệu của cơ quan nhà nước nên tổ công tác đã mời chính quyền địa phương đến chứng kiến và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với ông Lục Văn Đ về hành vi “*Chiếm đoạt tài liệu của Cơ quan, tổ chức*”.

Ngày 24/02/2023, Phòng K2 Công an tỉnh C có Kết luận giám định số 114/KL-KTHS, nội dung:

- Phôi (mẫu in) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989 cần giám

định là thật;

- Hình dấu đỏ có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN HOÀ AN T.CAO BẮNG” trên tài liệu GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” số R 134 989 mang tên Luân Văn K đề ngày 7 tháng 11 năm 2000 cần giám định so với các hình dấu trên tài liệu mẫu so sánh **do cùng một con dấu đóng ra.**

- Chữ dưới mục “Chủ tịch UBND” đứng tên Đoàn Ngọc Đ2 trên tài liệu GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” số R 134989 mang tên Luân Văn K đề ngày 7 tháng 11 năm 2000 cần giám định so với các chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh **do cùng một người ký ra.**

Ngày 20/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện H, Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 41, trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tình trạng tâm thần đối với bị can Lục Văn Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 361, ngày 08/11/2023 của V1, kết luận: *“Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài liệu của cơ quan, xảy ra tại Ủy ban nhân dân huyện H, Cao Bằng và tại thời điểm giám định, bị can Lục Văn Đ không có bệnh tâm thần”.*

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSHA ngày 25/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lục Văn Đ về tội “Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan” theo quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Lục Văn Đ chỉ thừa nhận là bản thân được quyền giữ những tài liệu trên để làm bằng chứng tố cáo UBND huyện H và các cơ quan chức năng trực thuộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh T3 là vi phạm pháp luật bởi vì hồ sơ chuyển nhượng giữa ông K với ông T3 chưa đầy đủ nhưng UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T3 và hơn nữa ông Luân Văn K không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bị cáo giữ lại để người dân phải chấp hành. Bị cáo không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai trong quá trình làm thủ tục hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K với ông T3 là bị cáo không sai mà do người dân cụ thể là ông K và bà C1 không thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân nên bị cáo mới giữ lại giấy tờ để xử lý việc người dân không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại (UBND huyện) trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Năm 2005, Lục Văn Đ là chuyên viên công tác tại Tổ địa chính thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện H, tỉnh Cao Bằng được lãnh đạo Ủy ban phân công tiếp nhận, thẩm định và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K với ông T3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ông Đ đã gọi ông T3 và ông K đến để điền các thông tin vào thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 26/01/2005, ông Đ cùng chính quyền xã Đ, mời gia đình ông K và gia đình ông T3 đến để giải quyết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại buổi làm việc, bà C1 không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc thửa đất trên để chỉnh lý theo quy định. Vì bà C1 không đồng ý việc bán thửa đất trên, bà C1 cho rằng ông K đã tự ý bán đất mà không hỏi ý kiến bà C1 và gia đình.

Sau đó Lục Văn Đ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trình lãnh đạo (ông Đỗ Đức D1 - Phó trưởng phòng NN&PTNT Hoà An) và trình Chủ tịch UBND huyện H (ông Lục Văn K1) ký xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 15/02/2005, UBND huyện H ra Quyết định số 87/QĐ-UB về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung: Cho phép chủ sử dụng đất có tên Luân Văn K được chuyển quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh T3.

Ngày 31/3/2008, UBND huyện H, Cao Bằng ra Quyết định số 248/QĐ-UBND, điều chuyển công tác đối với ông Lục Văn Đ từ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện H đến bộ phận giải phóng mặt bằng huyện H. Tại Điều 2 của quyết định này nêu rõ: “*Ông Lục Văn Đ bàn giao các văn bản, hồ sơ cho phòng T huyện ngày 01/04/2008.* Tuy nhiên ông Lục Văn Đ đã không bàn giao hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K và ông T3. Năm 2009, gia đình ông Dương Minh T3 - bà Trần Thúy Đ1 có xin cấp giấy chứng quyền sử dụng đất (đối với thửa đất đã mua trước đó với ông Luân Văn K) gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số APS24006 - số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H02205. Năm 2010, ông K gửi đơn đề nghị Phòng tài nguyên - môi trường huyện H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Phòng T quyết định giao đơn của ông K cho Lục Văn Đ giải quyết trả lại Giấy chứng nhận chứ không quyết định giao hồ sơ chuyển nhượng cho Lục Văn Đ giải quyết.

Năm 2016, ông Luân Thành L1 - con trai ông Luân Văn K có đơn tố cáo ông Lục Văn Đ gửi đến UBND huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 31/12/2016, UBND huyện H đã đưa ra Kết luận số 76/KLTC- UBND và Thông báo số 77/TB- UBND về kết quả giải quyết tố cáo đối với vụ việc trên, trong đó có nội dung của phần biện pháp xử lý: “*...Ông Lục Văn Đ có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc của ông Luân Văn K cho Văn phòng Đ3 chi nhánh H giải quyết theo thẩm quyền*”.

UBND huyện H đã tổ chức họp kiểm điểm, thực hiện Kết luận số 76/KLTC- UBND và Thông báo số 77/TB-UBND, tuy nhiên ông Đ vẫn không thực hiện theo những điều quy định tại Thông báo trên, không bàn giao hồ sơ vụ việc trên, bao gồm cả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Luân Văn K cho Văn phòng

Đ3 chi nhánh H để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 16/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã xét xử khiếu kiện của bà Thang Thị Châu k Ủy ban nhân dân huyện H và ông Lục Văn Đ về “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*”.

Từ ngày 28/04/2020 đến ngày 03/11/2020, UBND huyện H, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng đã có 04 (bốn) văn bản và lập 02 (hai) biên bản làm việc và yêu cầu ông Lục Văn Đ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 134989 của ông Luân Văn K cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3, tuy nhiên ông Đ không giao giấy chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền. Do đó dẫn đến hậu quả UBND huyện H không thể thực hiện theo nội dung Quyết định buộc thi hành án của bản án hành chính trên.

Ngày 07/04/2021, UBND huyện H đã tiến hành họp xét Kỷ luật ông Lục Văn Đ, tại cuộc họp Hội đồng kỷ luật đã thống nhất áp dụng hình thức kỷ luật: **Cảnh cáo** đối với ông Lục Văn Đ.

Như vậy ông Lục Văn Đ nhiều lần chống đối không thực hiện việc bàn giao hồ sơ liên quan đến thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K và ông T3 cho Ủy ban nhân dân huyện H, gây ra bức xúc cho người dân nhất là gia đình ông Luân Văn K không nhận lại được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thực hiện được quyền quản lý và sử dụng phần đất đã được cấp cho gia đình. Hơn nữa hồ sơ liên quan đến thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K và ông T3 năm 2005 cần phải được lưu tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện H nay là Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H nhưng ông Đ khi chuyển công tác đã không bàn giao lại nên Ủy ban nhân dân huyện H không thực hiện được nhiệm vụ quản lý và lưu trữ hồ sơ.

Nay UBND huyện H đề nghị ông Đ trả lại những giấy tờ liên quan đến thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K và ông T3 và các hồ sơ tài liệu liên quan cho UBND huyện H, đồng thời đề nghị xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thang Thị C1, Ông Dương Minh T3, Bà Trần Thúy Đ1, Ông Đàm Ngọc T4, Bà Lương Thị L2, Ông Lê Đức B, Ông Mã Ngọc L3 đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Luân Thành L1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Thang Thị C1 trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: anh là con đẻ của ông K và bà C1, sự việc ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Dương Minh T3 thì anh có biết vào năm 2005. Đến năm 2008, sau khi biết gia đình ông Dương Minh T3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất đã nhận chuyển nhượng thì anh đã chủ động đến Phòng Tài nguyên và

môi trường huyện H để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình. Sau đó được cơ quan dẫn sang gặp ông Lục Văn Đ tại Ban giải phóng mặt bằng huyện H, được ông Đ giải thích là vụ việc chưa giải quyết xong, phải báo cáo lãnh đạo cấp trên mới xử lý được. Từ thời điểm đó đến năm 2016 ông đã nhiều lần đến UBND huyện H để gặp Lục Văn Đ yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Tuy nhiên ông Đ đều tìm lý do thoái thác không chịu trả lại. Năm 2016 anh đã làm đơn tố cáo ông Lục Văn Đ về hành vi chiếm giữ trái phép Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989 của gia đình anh, UBND huyện H đã hẹn lịch gặp ông Đ và anh nhưng ông Đ đều tìm lý do không trả lại. Nay anh yêu cầu ông Đ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R134989 và đề nghị xử lý hành vi của ông Lục Văn Đ theo pháp luật.

Người làm chứng Nông Quốc T5, Nguyễn Thị T6 đã cùng công tác với bị cáo đã khai tại cấp sơ thẩm và khẳng định: Năm 2008, khi ông Đ chuyển công tác thì không bàn giao hồ sơ tài liệu cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, sau đó Chủ tịch UBND huyện H cũng đã có nhiều lần văn bản về việc đơn đốc ông Đ chuyển giao tài liệu, hồ sơ nhưng ông Đ không bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 26-04-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 142, Điều 38, Điều 48; điểm i,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Lục Văn Đ phạm tội “Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lục Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/02/2023.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng vụ án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử xong, ngày 29/4/2024 bị cáo Lục Văn Đ kháng cáo với lý do: Yêu cầu đình chỉ vụ án vì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật vì đã quá 5 năm của tội danh ít nghiêm trọng theo khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 07/6/2024 bị cáo có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết những vấn đề sau:

1. Tuyên đình chỉ vụ án do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự vì tội ít nghiêm trọng theo điểm a khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự;
2. Hình sự hóa kết luận hành chính, thông báo hành chính;
3. Làm rõ việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy CNQSĐĐ cho ông Luân Văn K.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm :

Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và có bổ sung đơn kháng cáo để chứng minh cho đơn kháng cáo của bị cáo.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng thấy: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án của cấp sơ thẩm đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo. Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã xét xử bị cáo về tội “Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan” là có căn cứ, đúng tội, không oan.

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 26-04-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn Đ trình bày luận cứ bào chữa:

Các cơ quan tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc bắt giữ Lục Văn Đ của cơ quan Công an huyện H là trái pháp luật hình sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, căn cứ sau:

Trong vụ việc của bị cáo Đ nếu như Viện kiểm sát căn cứ vào năm 2008, tại phiên tòa đại diện UBND huyện H khẳng định ông Đ chiếm giữ từ năm 2010 thì tất cả đã trên 05 năm. Như vậy việc khởi tố đối với bị cáo Đ về tội chiếm giữ tài liệu của cơ quan đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó không được phép khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong trường hợp này, có chăng chỉ là biện pháp xử lý hành chính theo Luật cán bộ công chức nhưng Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An không căn cứ vào hành vi phạm tội, thời điểm thời gian phạm tội để xem xét mà vẫn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong khi việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với tội danh quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Hình sự đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Năm 2008 Ủy ban nhân dân D2 A chuyển ông Đ sang công tác đơn vị khác nhưng vẫn giao nhiệm vụ cho ông Đ tiếp tục xử lý đơn có liên quan đến ông Luân Văn K, bị cáo vẫn giữ giấy

tờ trên là theo sự phân công của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện G. Việc tồn tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan điều tra chưa xác định rõ đâu là giấy chứng nhận thật, giả, Cơ quan điều tra chưa đối chất giữa gia đình bà C1 và bị cáo để làm rõ đâu là giấy Chứng nhận thật hay giả. Nếu giấy chứng nhận bị cáo đang giữ từ năm 2004 là thật thì đến thời điểm bị bắt đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự là 5 năm đối với tội ít nghiêm trọng.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo là đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố đình chỉ vụ án.

Trong phần tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát khẳng định: Căn cứ kết luận giám định của Công an tỉnh C giấy chứng nhận QSD đất là thật, do cùng 01 người ký ra, nên tài liệu bị cáo đang chiếm đoạt là thật. Quyết định số 02/UBND huyện H đã điều chuyển bị cáo sang công tác ở bộ phận khác và yêu cầu bị cáo phải bàn giao GCN và các tài liệu liên quan cho UBND huyện nhưng bị cáo đã không bàn giao cho UBND huyện.

Ngày 17/02/2023 khi Cơ quan chuyên môn yêu cầu bị cáo bàn giao các tài liệu mà bị cáo đang giữ cho Ủy ban nhân dân huyện Q nhưng bị cáo đã không chấp hành, do đó cơ quan điều tra đã tiếp hành bắt người phạm tội quả tang để điều tra xử lý theo pháp luật. Hành vi không bàn giao tài liệu của bị cáo là lỗi cố ý đã cấu thành tội chiếm đoạt tài liệu của cơ quan theo Điều 342 Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm là bị cáo không phạm tội vì khi Ủy ban nhân dân huyện chuyển bị cáo sang vị trí khác nhưng vẫn giao nhiệm vụ cho bị cáo là tiếp tục hoàn thiện hồ sơ là đúng, Viện kiểm sát cho rằng bị cáo không bàn giao giấy tờ là cố ý áp đặt. Nếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội năm 2005 thì đã hết thời hiệu, do đó đề nghị Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ khởi tố vụ án, khởi tố bị can và đình chỉ vụ án.

Bị cáo nhất trí quan điểm của người bào chữa, bị cáo trình bày là không tin tưởng Ủy ban nhân dân huyện H nên bị cáo không bàn giao, chỉ chấp nhận nộp các tài liệu cho Cơ quan thi hành án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án, người bào chữa cho rằng đã hết thời hiệu là không có căn cứ vì Ủy ban nhân dân huyện H và Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3 đã liên tục yêu cầu bị cáo bàn giao nhưng bị cáo không trả. Đến ngày 17/02/2023 UBND huyện tiếp tục yêu cầu bị cáo bàn giao tài liệu nhưng bị cáo vẫn không chấp hành nên Cơ quan điều tra mới tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng là các tài liệu bị cáo đã chiếm giữ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lục Văn Đ nhất trí với ý kiến của Luật sư bào chữa, đề nghị Hội đồng xem xét vụ việc đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào kết quả điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lục Văn Đ không thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ chứng minh: Do lo sợ bản thân sẽ phải chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Luân Văn K và ông Dương Minh T3 mà bị cáo đã tham mưu, thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2008 đến ngày 17/02/2023, bị cáo Lục Văn Đ đã chiếm giữ trái phép Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Luân Văn K và các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng, dẫn đến việc Ủy ban nhân dân huyện H không thể thi hành Bản án Hành chính sơ thẩm số 03A/2019/HC-ST, ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Luân Văn K nói riêng và Cơ quan nhà nước nói chung.

Hành vi của bị cáo đã chiếm giữ tài liệu liên tục. Hành vi khách quan Chiếm đoạt tài liệu vẫn đang diễn ra không gián đoạn trong khoảng thời gian dài tội phạm vẫn đang được thực hiện và chỉ kết thúc hành vi khách quan khi bắt người phạm tội quả tang nên việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 282 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố đình chỉ vụ án là không có căn cứ.

Hành vi do bị cáo Lục Văn Đ thực hiện là lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn của mình để gây khó khăn cho Cơ quan nhà nước (UBND huyện, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ3 và công dân). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của cá nhân. Đối tượng tác động là

tài liệu, giấy tờ, hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông Dương Minh T3 và ông Luân Văn K, trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 134989 mang tên Luân Văn K. Đây là những tài liệu thuộc quyền quản lý, sử dụng, lưu trữ của UBND huyện H đã bị Đ chiếm đoạt. Vì vậy, hành vi của bị cáo Lục Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan” quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chấp hành và thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do đó cần phải xử lý nghiêm để tuyên truyền pháp luật nói chung.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và có trình bày bổ sung thêm lý do kháng cáo để bảo vệ cho đơn kháng cáo của bị cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử. Việc bị cáo khai báo quanh co mục đích là không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không nhận tội, không xin giảm hình phạt, do đó không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức án 12 tháng tù đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4]. Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã tuyên bố bị cáo Lục Văn Đ phạm tội “Tội chiếm đoạt tài liệu của cơ quan” theo khoản 1 Điều 342 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[5] Về vật chứng vụ án: Buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ các tài liệu cho Ủy ban nhân dân huyện H và người có quyền lợi liên quan theo Quyết định của Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[6] Các nội dung khác liên quan đến vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện và có căn cứ pháp lý.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị đình chỉ vụ án là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Ý kiến của bị hại (UBND huyện H) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lục Văn Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên đến ngày xét xử phúc thẩm (04/9/2024), bị cáo đã đủ 60 tuổi, theo

Điều 2 Luật người cao tuổi thì bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lục Văn Đ. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 26-04-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

1. Bị cáo Lục Văn Đ phạm tội “Chiếm đoạt tài liệu của cơ quan”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 38; Điều 48; điểm i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn Đ **12** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được trừ đi thời gian bị tạm giữ (*từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/02/2023*).

3. Về vật chứng của vụ án: Giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã quyết định.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm .

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hòa An;
- Công an huyện Hòa An;
- Chi cục THADS huyện Hòa An;
- Phòng KTNV và THA;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

